

Bản án số: **94/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 27 – 11 - 2024

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Hữu San

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Chu Đức Hoài  
Ông Nguyễn Quốc Luân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Duy Minh Hà – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 75/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11/10/2024 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07/11/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Ma Văn L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Chị Châu Thị H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn anh Ma Văn L và bị đơn chị Châu Thị H đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Ma Văn L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Châu Thị H tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 17/7/2018. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tại thôn L, xã X, huyện N, tỉnh Tuyên Quang, sau đó hai vợ chồng cùng nhau đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, chị Hòa có quan hệ với người đàn ông khác dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần, bản

thân anh cũng đã cho chị H nhiều cơ hội sửa chữa lỗi lầm nhưng chị H vẫn tiếp tục có quan hệ với người đàn ông khác khiến cho mâu thuẫn vợ chồng không thể hóa giải mà ngày càng trầm trọng hơn nên vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị Châu Thị H đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ, nuôi dạy con cái trưởng thành được nữa. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Châu Thị H, để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống hạnh phúc của riêng mình.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Châu Thị H có 02 con chung là cháu Ma Quốc V, sinh ngày 07/01/2019 và cháu Ma Đức A, sinh ngày 24/3/2021. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì các con vẫn sống cùng anh và bố mẹ đẻ anh là ông Ma Ngọc N và bà La Thị Ng nên khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh không yêu cầu chị Châu Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chưa tạo lập được tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại bản tự khai và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Châu Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ma Văn L tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 17/7/2018. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tại thôn L, xã X, huyện N, tỉnh Tuyên Quang, sau đó hai vợ chồng cùng nhau đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng vợ chồng không thể hóa giải mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng hơn nên đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Ma Văn L đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên nhất trí ly hôn với anh Ma Văn L để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống mới, hạnh phúc của riêng mình.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Ma Văn L có 02 con chung là cháu Ma Quốc V, sinh ngày 07/01/2019 và cháu Ma Đức A, sinh ngày 24/3/2021. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì các con vẫn sống cùng anh L và ông bà nội (bố mẹ đẻ anh L) là ông Ma Ngọc N và bà La Thị Ng tại xã X, huyện N, tỉnh Tuyên Quang nên khi ly hôn chị nhất trí giao cả hai con chung cho anh Ma Văn L trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện tại bản thân chị đang đi làm công nhân xa, không có chỗ ở ổn định.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị chưa tạo lập được tài sản đất đai chung; cũng không có vay nợ chung do đó chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của mình quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ma Văn L:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Ma Văn L được ly hôn với chị Châu Thị H.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Ma Quốc V, sinh ngày 07/01/2019 và cháu Ma Đức A, sinh ngày 24/3/2021 cho anh Ma Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Châu Thị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn anh Ma Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn chị Châu Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:*

Anh Ma Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung với chị Châu Thị H, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Châu Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã X, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Do đó, Tòa án

nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:*

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Ma Văn L và bị đơn chị Châu Thị H đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của mình quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*[3] Về nội dung vụ án:*

\* Về quan hệ hôn nhân: Anh Ma Văn L và chị Châu Thị H kết hôn với nhau từ năm 2018, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối phải kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 17/7/2018. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống tại thôn L, xã X, huyện N, tỉnh Tuyên Quang sau đó cùng đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không hóa giải được mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Cả anh L và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Ma Văn L và chị Châu Thị H đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Ma Văn L được ly hôn với chị Châu Thị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

\* Về con chung: Các đương sự xác định quá trình chung sống có 02 con chung là cháu Ma Quốc V, sinh ngày 07/01/2019 và cháu Ma Đức A, sinh ngày 24/3/2021. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Ma Văn L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị Châu Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai và Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn chị Châu Thị H cũng xác định kể từ khi vợ chồng ly thân thì các con chung vẫn sống cùng anh L và bố mẹ đẻ của anh L nên nhất trí giao cả hai con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện tại chị đang đi làm công nhân ở xa, chưa có chỗ ở ổn định. Do đó, để đảm bảo sự ổn định cuộc sống của các con chung và theo đề nghị của các đương sự, Hội đồng xét xử giao cả hai con chung là cháu Ma Quốc V và cháu Ma Đức A cho anh Ma Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Châu Thị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

\* Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định không có tài sản, đất đai, vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, đất đai, vay nợ chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

*[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:*

Nguyên đơn anh Ma Văn L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn chị Châu Thị H không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ma Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Ma Văn L được ly hôn với chị Châu Thị H (*Giấy chứng nhận kết hôn số 20, ngày 17/7/2018 tại UBND xã X, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang*)..

2. Về con chung: Giao cháu Ma Quốc V, sinh ngày 07/01/2019 và cháu Ma Đức A, sinh ngày 24/3/2021 cho anh Ma Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Châu Thị H không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Nguyên đơn anh Ma Văn L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000870, ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Ghi nhận anh Ma Văn L đã nộp đủ tiền án phí.

Bị đơn chị Châu Thị H không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Ma Văn L và bị đơn chị Châu Thị H được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Hữu San**